

Bản án số: 49/2020/DS-ST
Ngày 29 - 6 - 2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim L, sinh năm 1976

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Phi L, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2020 - vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp HA, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Trần Kim L trình bày:* Anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M có hỏi vay tiền của chị nhiều lần vào thời gian như sau: Ngày 28/6/2018 vay 200.000.000 đồng. Ngày 10/7/2018 vay 80.000.000 đồng. Ngày 12/9/2018 vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng anh H và chị M vay của chị số tiền 330.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất của các lần vay là 2000 đồng/triệu đồng/tháng, thỏa thuận trả lãi hàng tháng, vốn khi nào lên tôm trả trong thời hạn ba tháng. Sau khi vay anh H và chị M có trả lãi được một tháng của khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 28/7/2018, các khoản vay còn lại không trả vốn, lãi theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu anh H và chị M phải trả cho chị số tiền vốn vay là 280.000.000 đồng. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Anh Phạm Phi Long có đơn xin vắng mặt, anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] *Về phạm vi khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2020 chị Trần Kim L yêu cầu anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M phải trả cho chị số tiền 330.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L chỉ yêu cầu anh H và chị M phải trả cho chị số tiền 280.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là phù hợp.

[3] *Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp:* Chị Trần Kim L khởi kiện anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M về việc đòi lại số tiền cho vay 280.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tiền giữa chị L với anh H là giao dịch hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của chị L thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H và chị M theo quy định nhưng anh chị không có ý kiến cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị L nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, tại giấy ghi không đề tựa do chị L cung cấp cũng thể hiện anh Bùi Minh H có vay của chị L số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 28/6/2018 và 80.000.000 đồng vào ngày 10/7/2018, tổng cộng là 280.000.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Do đó, việc chị L yêu cầu anh H phải trả cho chị L số tiền 280.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về phần lãi suất: Chị L khai quá trình vay tiền anh H và chị M có đóng một tháng lãi của khoảng vay 200.000.000 đồng. Anh H và chị M không có ý kiến về lãi suất do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về phần lãi suất đã đóng.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Tại thời điểm anh H thực hiện việc vay tài sản thì anh H và chị M là vợ chồng và việc vay tiền này nhằm mục đích để sử dụng sinh hoạt kinh tế, các nhu cầu thiết yếu chung cho vợ chồng nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, anh H và chị M cùng có trách nhiệm phải trả số tiền trên cho chị L là phù hợp.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463,

khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim L về việc yêu cầu anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M phải trả cho chị Trần Kim L số tiền vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim L. Buộc anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M phải trả cho chị Trần Kim L số tiền vốn vay là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Trần Kim L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Trần Kim L 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010509 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Anh Bùi Minh H và chị Bùi Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

